



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC	10 - 35

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

### **Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật	Bổ nhiệm ngày 25/6/2014
Bà Phạm Thanh Hoa	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật	Miễn nhiệm ngày 25/6/2014
Ông Lê Anh Đào	Phó Chủ tịch	
Ông Đỗ Huy Đạt	Ủy viên	
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Trần Văn Chuyên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên
Bà Lâm Thị Lịch	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Huy Đạt	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22/3/2014
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22/3/2014
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/3/2014
Ông Lê Hữu Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/3/2014

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Đỗ Huy Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2014

(Theo giấy ủy quyền số 32/UQ của Chủ tịch Hội đồng quản trị - người đại diện theo pháp luật của Công ty được lập ngày 01/7/2014)

Số: 130/2014/BCTC-VAHP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/8/2014, từ trang 05 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã nêu tại thuyết minh số 35 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc, Công ty TNHH Xây dựng Điện nước Lắp máy Hải Phòng (Công ty con) đã ngừng hoạt động sản xuất cấp điện do máy móc thiết bị đã thanh lý toàn bộ năm 2011, đồng thời, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con trong 6 tháng đầu năm 2014 lỗ 166.519.380 VND, lỗ lũy kế đến 30/6/2014 là 1.543.441.762 VND. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ý kiến soát xét của kiểm toán viên không thay đổi bởi vấn đề này.



**Tạ Văn Việt**  
Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0045-2013-055-1

**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2014

**Nguyễn Thị Hoa**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0804-2013-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
I	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>23.887.675.106</b>	<b>26.870.000.414</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>812.697.174</b>	<b>5.184.463.079</b>
1. Tiền	111	05	812.697.174	5.184.463.079
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.210.000.000</b>	<b>1.310.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	06	1.210.000.000	1.310.000.000
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>14.353.366.221</b>	<b>12.825.562.735</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		13.624.432.062	12.352.809.427
2. Trả trước cho người bán	132		114.000.000	5.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	07	736.892.494	598.841.643
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	08	(121.958.335)	(131.088.335)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.680.471.209</b>	<b>5.355.713.366</b>
1. Hàng tồn kho	141	09	3.680.471.209	5.355.713.366
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.831.140.502</b>	<b>2.194.261.234</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	30.359.827	29.112.619
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	3.800.780.675	2.165.148.615
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>33.833.550.529</b>	<b>33.096.218.986</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.871.768.828</b>	<b>32.730.240.867</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	23.920.505.739	25.877.410.539
- Nguyên giá	222		48.170.356.457	48.170.356.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.249.850.718)	(22.292.945.918)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	8.951.263.089	6.852.830.328
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>961.781.701</b>	<b>365.978.119</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	961.781.701	365.978.119
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>57.721.225.635</b>	<b>59.966.219.400</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>31.645.886.999</b>	<b>33.437.896.789</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.170.019.406</b>	<b>26.480.763.766</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	4.678.934.627	6.062.500.000
2. Phải trả cho người bán	312		3.759.130.929	3.298.616.036
3. Người mua trả tiền trước	313		3.170.080.348	1.855.204.348
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.196.003.463	1.485.357.811
5. Phải trả người lao động	315		220.811.092	253.253.895
6. Chi phí phải trả	316	17	9.540.551.596	11.771.467.169
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	1.561.351.874	1.743.856.241
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		43.155.477	10.508.266
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.475.867.593</b>	<b>6.957.133.023</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	7.199.375.957	6.843.867.617
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	20	150.229.010	113.265.406
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		126.262.626	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>26.075.338.636</b>	<b>26.528.322.611</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>26.075.338.636</b>	<b>26.528.322.611</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	21.996.970.000	21.996.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(50.000.000)	(50.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	2.120.763.559	2.120.763.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	713.858.604	613.310.994
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	1.293.746.473	1.847.278.058
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540=300+400)</b>	<b>540</b>		<b>57.721.225.635</b>	<b>59.966.219.400</b>

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh



Tổng Giám đốc

Đỗ Huy Đạt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Mẫu số B 02a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	64.968.246.401	56.347.603.403
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		64.968.246.401	56.347.603.403
4. Giá vốn hàng bán	11	23	58.541.014.505	50.867.045.609
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.427.231.896	5.480.557.794
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	99.243.613	124.822.747
7. Chi phí tài chính	22	25	664.894.600	552.480.451
Trong đó: chi phí lãi vay	23		664.894.600	552.480.451
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.802.452.465	2.958.703.976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.059.128.444	2.094.196.114
11. Thu nhập khác	31	26	358.483.593	164.569.968
12. Chi phí khác	32	26	52.473.183	168.291.206
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	306.010.410	(3.721.238)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	41		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		3.365.138.854	2.090.474.876
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.011.438.614	794.295.225
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	50.555.453	203.287.706
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.303.144.787	1.092.891.945
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		2.303.144.787	1.092.891.945
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.047	497

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Ngọc Mai

Lê Hữu Cảnh

Đỗ Huy Đạt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Mẫu số B 03a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.365.138.854	2.090.474.876
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	13	1.956.904.800	1.735.536.703
- Các khoản dự phòng	03		(9.130.000)	126.199.440
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(99.243.613)	475.177.253
- Chi phí lãi vay	06	25	664.894.600	552.480.451
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.878.564.641	4.979.868.723
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.083.557.754)	(329.985.506)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.675.242.157	1.946.242.996
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(592.211.830)	(3.529.760.753)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(595.803.582)	205.448.309
- Tiền lãi vay đã trả	13	25	(664.894.600)	(392.350.075)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.258.367.316)	(391.337.545)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(111.573.000)	(105.649.814)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.247.398.716	2.382.476.335
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.092.855.801)	(2.460.957.732)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		101.000.000	2.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.248.613	31.318.857
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.965.607.188)	(2.927.638.875)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.355.508.340	20.391.780.270
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.383.565.373)	(17.409.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(2.625.500.400)	(2.199.697.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.653.557.433)	783.083.270
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.371.765.905)	237.920.730
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	05	5.184.463.079	1.418.911.039
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	05	812.697.174	1.656.831.769

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu từ 01/01/2014 đến 30/6/2014.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 5.576.960 VND, là khoản chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh vào chỉ tiêu “Tăng, giảm các khoản phải trả”.

**Người lập biểu**



**Trần Thị Ngọc Mai**

**Kế toán trưởng**



**Lê Hữu Cảnh**



**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Huy Đạt**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Công ty mẹ**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01/7/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Điện nước Lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203001815 ngày 21/10/2005, thay đổi lần thứ nhất ngày 27/10/2007, thay đổi lần thứ hai ngày 16/5/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 07/4/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 18/5/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200155561 thay đổi lần thứ năm ngày 15/8/2011, thay đổi lần thứ sáu ngày 30/5/2013, thay đổi lần thứ bảy ngày 30/6/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên doanh nghiệp:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
Tên giao dịch bằng tiếng Anh:	HAI PHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HEWMAC
Vốn điều lệ:	21.996.970.000 VND
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; chi tiết: truyền tải và phân phối điện;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; chi tiết: sản xuất kết cấu thép các khung nhà tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; chi tiết: lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích; chi tiết: xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: san lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; chi tiết: trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; chi tiết: xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế đến 220 KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác; chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; vận tải hành khách đường bộ bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; chi tiết: giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình năng lượng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chi tiết: xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 34 Thiên Lôì - Nghĩa Xá - Lê Chân - Hải Phòng.

**Công ty con**

***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty TNHH Xây dựng Điện nước Lắp máy Hải Phòng là một thành viên trực thuộc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng, được đổi tên từ Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 24/3/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200672802 ngày 01/6/2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 02/4/2011, thay đổi lần thứ hai ngày 12/5/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ: 3.500.00.000 VND.

***Ngành nghề kinh doanh:***

- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, xây dựng các công trình công cộng, dân dụng, công nghiệp và các công trình điện đến 35 KV;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất kết cấu thép, các khung nhà tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan, nâng cầu hàng bằng container;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; vận tải hành khách đường bộ theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp từ 35KV trở xuống, xây dựng các công trình công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp đặt máy công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: xây dựng công trình viễn thông, thủy điện, đê kè, cầu cống;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: san lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng, chi tiết: trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220kv, cầu tàu, bến cảng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 34 Đường Thiên Lôi, Phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12. Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 là kỳ kế toán giữa niên độ thuộc kỳ kế toán năm 2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

#### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất từ Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Công ty do Công ty mẹ kiểm soát (Công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Đến 30/6/2014, Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc trích lập dự phòng đối với một số khoản phải thu khó đòi là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18.

Căn cứ vào quy chế khoán và giao trách nhiệm thu hồi các khoản công nợ của Công ty áp dụng cho Xí nghiệp trực thuộc, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính đối với các khoản công nợ phải thu thực hiện theo cơ chế giao khoán cho Xí nghiệp Xây dựng, xây lắp điện, nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

#### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 10
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Dụng cụ quản lý	03

#### 4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30/6/2014 bao gồm: chi phí xây dựng nhà máy cấp Khu công nghiệp Tân Liên Vĩnh Bảo; các chi phí liên quan đến việc xây dựng trạm biến áp xã An Đông; các chi phí liên quan mua trạm biến áp xã Hòa Bình; chi phí bộ phận nắn kéo máy bọc cáp; chi phí nhân công, vật tư di chuyển văn phòng quản lý lưới điện xã Hoàng Động và chi phí mua xe ô tô Toyota.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP thực hiện hoạt động liên doanh theo hợp đồng số 10/2008/ĐN-XDĐT quản lý và kinh doanh điện tại khu vực Cự Viên, Kiến An, Hải Phòng. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP sẽ chuyển cho Công ty khoản tiền hoạt động là 80.000.000 VND (tương đương 40% nguồn vốn tối thiểu quy định tại hợp đồng). Khoản tiền hoạt động trên được Công ty phản ánh trên khoản mục phải trả phải nộp khác trình bày trên báo cáo tài chính và Công ty mở sổ theo dõi riêng kết quả hoạt động liên doanh này. Hàng năm, căn cứ vào tỷ lệ góp trong hợp đồng liên doanh, hai bên tiến hành chia lãi liên doanh từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động này.

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền cho cá nhân và các tổ đội sản xuất vay.

**4.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí in hóa đơn, chi phí sửa chữa, chi phí thuê nhân công và chi phí công cụ, dụng cụ. Chi phí in hóa đơn được phân bổ trong 24 tháng; chi phí sửa chữa, các vật tư đi kèm của hệ thống lưới điện được phân bổ từ 24 tháng trở lên kể từ tháng phát sinh và chi phí thuê nhân công tháo dỡ mặt bằng số 34 Thiên Lô được phân bổ trong 24 tháng kể từ tháng phát sinh. Các chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 24 đến 36 tháng theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước giá vốn các công trình xây lắp đã ghi doanh thu, trích trước chi phí tiền lương tháng 13/2014, tiền phạt chậm nộp thuế từ năm 2006-2013 và thù lao hội đồng quản trị.

Công ty tiến hành trích trước giá vốn theo tỷ lệ khoán trên doanh thu của các hạng mục, công trình đã hoàn thành; giá vốn các công trình xây lắp đã ghi nhận doanh thu lũy kế đến thời điểm 30/6/2014 là 8.967.996.096 VND. Thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Công ty tiến hành bù trừ chi phí thực tế phát sinh đang ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với chi phí trích trước (giá vốn) của từng hạng mục, công trình đã hoàn thành này. Việc trích trước giá vốn và thực hiện bù trừ với chi phí thực tế phát sinh của các hạng mục, công trình hoàn thành ghi nhận doanh thu như trên theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh và cơ chế quản lý của Công ty.

Chi phí tiền lương tháng 13/2014 dự tính được trích theo tiền lương tạm tính năm 2014, 6 tháng đầu năm 2014 Công ty trích bằng tổng 1/2 tháng lương bình quân của cán bộ công nhân viên toàn công ty năm 2014.

**4.11 Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Căn cứ vào quy chế khoán và giao trách nhiệm cho Xí nghiệp trực thuộc, nghĩa vụ bảo hành công trình nếu phát sinh sẽ thuộc trách nhiệm của các Xí nghiệp thi công và thực tế Công ty không phát sinh chi phí bảo hành công trình, do vậy Công ty không trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Trong kỳ, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2014, cụ thể như sau:

Trích quỹ dự phòng tài chính :	100.547.610 VND;
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	144.220.211 VND;
Chia cổ tức:	2.625.500.400 VND.

#### 4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu kinh doanh điện được ghi nhận theo ngày xác nhận chỉ số công tơ điện và được ghi trên hoá đơn tính tiền điện. Doanh thu cung cấp điện ghi nhận theo kỳ ghi chỉ số từ ngày 15 tháng này đến 15 tháng sau.

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành của từng hạng mục công trình. Mặt khác, Công ty đang áp dụng chế độ giao khoán các công trình xây dựng mà

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Công ty ký hợp đồng cho các tổ, đội sản xuất theo tỷ lệ thích hợp. Công ty thực hiện hạch toán chi phí trên cơ sở chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ tập hợp từ các tổ đội (không vượt quá tỷ lệ giao khoán). Trường hợp, chứng từ chưa tập hợp kịp thời, Công ty sẽ tạm trích chi phí để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và giá vốn theo tỷ lệ khoán đã quy định.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

#### 4.15 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.16 Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Do đó các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

**5. TIỀN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	63.585.719	51.348.434
Tiền gửi ngân hàng	749.111.455	5.133.114.645
<b>Cộng</b>	<b>812.697.174</b>	<b>5.184.463.079</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cho tổ đội sản xuất vay	1.210.000.000	1.310.000.000
Ông Trần Ngọc Hải (Xi nghiệp Xây dựng - vay cho công trình Bệnh viện Việt Tiệp)	950.000.000	1.050.000.000
Ông Ngô Văn Thắng (Xi nghiệp Xây dựng - vay cho công trình Thủy Nguyên)	260.000.000	260.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.210.000.000</b>	<b>1.310.000.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu xí nghiệp	512.819.098	449.824.098
Phải thu về tiền lãi cho tổ đội sản xuất vay	200.460.103	118.067.154
Phải thu khác	312.358.995	331.756.944
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	18.978.134	4.661.705
Phải thu khác	205.095.262	144.355.840
Ông Nguyễn Hữu Điều	86.062.036	86.062.036
Phải thu khác	59.033.226	58.293.804
Bà Nguyễn Thị Lý	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>736.892.494</b>	<b>598.841.643</b>

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>Từ 01/01/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013</b>
	<b>đến 30/6/2014</b>	<b>đến 30/6/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	131.088.335	-
Trích lập dự phòng	-	126.199.140
Hoàn nhập dự phòng	9.130.000	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>121.958.335</b>	<b>126.199.140</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	115.200.000
Nguyên liệu, vật liệu	-	19.850.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động xây lắp	3.182.632.411	4.594.489.156
Hàng hoá	497.838.798	626.174.210
<b>Cộng</b>	<b>3.680.471.209</b>	<b>5.355.713.366</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	30.359.827	29.112.619
<b>Cộng</b>	<b>30.359.827</b>	<b>29.112.619</b>

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	3.800.780.675	2.165.148.615
<b>Cộng</b>	<b>3.800.780.675</b>	<b>2.165.148.615</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	6.852.830.328	11.603.572.925
Tăng	2.098.432.761	2.587.298.843
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	-
Kết chuyển giảm khác	-	709.798.900
<b>Tại ngày 30 tháng 6 (*)</b>	<b>8.951.263.089</b>	<b>13.481.072.868</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

(\*) Bao gồm:

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công trình nhà máy cấp Tân Liên - Vĩnh Bảo	6.793.044.985	6.705.341.150
Công trình đường 208 An Dương, mua máy biến áp - điện An Đồng	588.503.104	66.632.359
Bộ phận nắn kéo, máy bọc cáp	40.000.000	40.000.000
Nhà văn phòng xã Hoàng Động	40.856.819	40.856.819
Mua máy biến áp - Điện Hòa Bình	177.454.545	-
Xe ô tô Toyota	1.311.403.636	-
<b>Cộng</b>	<b>8.951.263.089</b>	<b>6.852.830.328</b>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	1.059.443.189	46.193.269.564	747.391.454	170.252.250	48.170.356.457
Số dư tại 30/6/2014	1.059.443.189	46.193.269.564	747.391.454	170.252.250	48.170.356.457
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	748.726.681	20.746.001.401	627.965.586	170.252.250	22.292.945.918
Khấu hao trong kỳ	37.928.658	1.907.602.250	11.373.892	-	1.956.904.800
Số dư tại 30/6/2014	786.655.339	22.653.603.651	639.339.478	170.252.250	24.249.850.718
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2014	310.716.508	25.447.268.163	119.425.868	-	25.877.410.539
Số dư tại 30/6/2014	272.787.850	23.539.665.913	108.051.976	-	23.920.505.739

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 30/6/2014 là: 9.073.608.668 VND.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	10.372.159	-
Chi phí đặt in hóa đơn	43.500.000	-
Chi phí thuê nhân công phá dỡ	13.750.000	-
Chi phí sửa chữa hệ thống lưới điện	894.159.542	365.978.119
<b>Cộng</b>	<b>961.781.701</b>	<b>365.978.119</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>2.540.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng [1]	3.000.000.000	2.500.000.000
Vay cá nhân	-	40.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả [2]</b>	<b>1.678.934.627</b>	<b>3.522.500.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	1.494.000.000	2.987.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng	184.934.627	535.500.000
<b>Cộng</b>	<b>4.678.934.627</b>	<b>6.062.500.000</b>

[1]: Các khoản vay Ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động.

[2]: Xem thêm tại thuyết minh số 19.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	213.019.959	245.216.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	830.124.839	1.077.053.541
Thuế thu nhập cá nhân	152.858.665	18.272.545
Các loại thuế khác	-	144.815.350
<b>Cộng</b>	<b>1.196.003.463</b>	<b>1.485.357.811</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước giá vốn công trình xây dựng và xây lắp (*)	8.967.996.096	10.852.934.110
Trích trước tiền điện	-	11.405.673
Trích trước tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát	99.755.500	-
Chi phí phải trả khác	472.800.000	907.127.386
<i>Trích trước lương tháng 13/2013</i>	<i>272.800.000</i>	<i>340.700.000</i>
<i>Trích trước chi phí kiểm toán</i>	<i>-</i>	<i>52.500.000</i>
<i>Tạm trích tiền phạt hành chính thuế (Theo Quyết định số 3425/QĐ-CT ngày 13/12/2013)</i>	<i>-</i>	<i>313.927.386</i>
<i>Tạm trích trước tiền phạt nộp chậm thuế từ năm 2006 - 2013</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>9.540.551.596</b>	<b>11.771.467.169</b>

(\*): Trích trước giá vốn công trình xây lắp theo tỷ lệ khoán trên doanh thu của từng hạng mục, công trình.

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	20.563.380	-
Bảo hiểm xã hội	90.976.730	-
Bảo hiểm y tế	15.746.054	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.998.210	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.427.067.500	1.743.856.241
<i>Phạt thuế</i>	<i>-</i>	<i>9.042.985</i>
<i>Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>487</i>	<i>2.144.099</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP (theo Hợp đồng liên danh số 10/2008/ĐN-XDĐT)</i>	<i>80.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
<i>Lãi phải trả cho SCIC</i>	<i>568.369.295</i>	<i>568.369.295</i>
<i>Thù lao phải trả của HĐQT</i>	<i>-</i>	<i>108.112.600</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>778.697.718</i>	<i>976.187.262</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.561.351.874</b>	<b>1.743.856.241</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	7.199.375.957	6.843.867.617
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng [1]	2.951.133.887	2.951.133.887
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng [2]	4.248.242.070	3.892.733.730
<b>Cộng</b>	<b>7.199.375.957</b>	<b>6.843.867.617</b>

[1] Số dư tại 30/6/2014 là của các hợp đồng vay sau:

**Hợp đồng vay số 180/2008/HĐ ngày 19/6/2008**

Tổng số tiền vay theo hợp đồng	: 11.396.000.000 VND
Mục đích	: Đầu tư cho dự án cải tạo và phát triển lưới điện hạ thế nông thôn Hải Phòng - Giai đoạn 3
Thời hạn vay	: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên
Lãi suất vay	: Theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Lãi suất nợ quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng trong Hợp đồng tín dụng
Thời hạn trả lãi	: Theo định kỳ tối đa không quá 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Thế chấp bằng 10 bất động sản của bên thứ 3
Dư nợ đến 30/6/2014	: 1.962.347.887 VND
Số phải trả 6 tháng cuối năm 2014	: 1.021.000.000 VND

**Hợp đồng vay số 0002/HĐ/2010 ngày 22/01/2010**

Tổng số tiền vay theo hợp đồng	: 5.565.000.000 VND
Mục đích	: Đầu tư, cải tạo và phát triển hệ thống lưới điện hạ thế nông thôn Thành phố Hải Phòng - Giai đoạn 4
Thời hạn vay	: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên
Lãi suất vay	: Theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Lãi suất nợ quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng trong Hợp đồng tín dụng
Thời hạn trả lãi	: Lãi được trả theo kỳ hạn cùng kỳ hạn trả nợ gốc
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3
Dư nợ đến 30/6/2014	: 2.482.786.000 VND
Số phải trả 6 tháng cuối năm 2014	: 473.000.000 VND

[2] Số dư tại 30/6/2014 là của hợp đồng vay sau:

**Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 064/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HP-NN ngày 13/6/2013**

Tổng số tiền vay theo hợp đồng	: 5.000.000.000 VND
Mục đích	: Đầu tư, cải tạo và phát triển hệ thống lưới điện hạ thế nông thôn Thành phố Hải Phòng - Giai đoạn 5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Thời hạn vay	:	07 năm kể từ ngày nhận món vay đầu tiên
Lãi suất vay	:	Được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ
Lãi suất nợ quá hạn	:	150% lãi suất cho vay trong hạn
Thời hạn trả lãi	:	Lãi vay được tính hàng tháng trên cơ sở 1 tháng 30 ngày, trả lãi lần đầu vào ngày 30/6/2013
Hình thức đảm bảo tiền vay	:	Thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3. Cụ thể + Quyền sử dụng đất tại Tờ 27 - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 353110 + Quyền sử dụng đất tại Tờ 37 - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 354194 + Quyền sử dụng đất tại khu dân cư số 5 - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 639381 + Quyền sử dụng đất tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 884331 + Quyền sử dụng đất tại thôn Lương Quán - Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 825247
Dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014	:	4.433.176.697 VND
Số phải trả 6 tháng cuối năm 2014	:	184.934.627 VND

**20. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	30/6/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	150.229.010	113.265.406
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>150.229.010</b>	<b>113.265.406</b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	21.996.970.000	(50.000.000)	2.120.763.559	613.310.994	1.847.278.058
Tăng trong kỳ	-	-	-	100.547.610	2.316.736.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	2.870.268.221
<b>Số dư tại 30/6/2014</b>	<b>21.996.970.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>2.120.763.559</b>	<b>713.858.604</b>	<b>1.293.746.473</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	12.622.500.000	12.622.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.374.470.000	9.374.470.000
<b>Cộng</b>	<b>21.996.970.000</b>	<b>21.996.970.000</b>

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

	<b>Từ 01/01/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013</b>
	<b>đến 30/6/2014</b>	<b>đến 30/6/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp đầu kỳ	21.996.970.000	21.996.970.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	21.996.970.000	21.996.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.625.500.400	1.767.440.529
<i>Chia lãi liên doanh</i>	-	24.649.814
<i>Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu</i>	2.625.500.400	2.199.697.000

CỔ PHIẾU

	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.199.697	2.199.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.199.697	2.199.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.199.697	2.199.697
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.199.697	2.199.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.199.697	2.199.697
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ</b>	<b>1.847.278.058</b>	<b>1.631.016.145</b>
Tăng trong kỳ	2.316.736.636	1.029.712.264
<i>Lợi nhuận tăng trong kỳ</i>	<i>2.303.144.787</i>	<i>1.092.891.945</i>
<i>Tăng do các điều chỉnh hợp nhất</i>	<i>13.591.849</i>	<i>(63.179.681)</i>
Giảm trong kỳ	2.870.268.221	2.654.181.615
<i>Trích Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>100.547.610</i>	<i>132.844.428</i>
<i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>144.220.211</i>	<i>132.844.428</i>
<i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	<i>164.145.945</i>
<i>Chia lãi liên doanh</i>	-	<i>24.649.814</i>
<i>Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu</i>	<i>2.625.500.400</i>	<i>2.199.697.000</i>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.293.746.473</b>	<b>6.546.794</b>

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu bán bán vật tư, hàng hóa	-	1.427.118.506
Doanh thu bán điện	61.230.373.674	51.686.864.077
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.737.872.727	2.633.620.820
Doanh thu khác	-	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>64.968.246.401</b>	<b>56.347.603.403</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn của bán vật tư, hàng hóa	-	1.274.326.800
Giá vốn bán điện	54.933.967.323	46.451.406.655
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.607.047.182	2.541.312.154
Giá vốn của hoạt động khác	-	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.541.014.505</b>	<b>50.867.045.609</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	99.214.412	124.602.105
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.201	220.642
<b>Cộng</b>	<b>99.243.613</b>	<b>124.822.747</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền vay	664.894.600	552.480.451
<b>Cộng</b>	<b>664.894.600</b>	<b>552.480.451</b>

**26. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu từ thanh lý vật tư	26.113.636	64.486.818
Tiền truy thu hộ vi phạm sử dụng điện	58.294.545	48.796.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng	10.101.010	-
Doanh thu dịch vụ trông coi xe ô tô	181.181.819	-
Thu nhập khác	82.792.583	51.287.150
<b>Thu nhập khác</b>	<b>358.483.593</b>	<b>164.569.968</b>
Xử lý chênh lệch công nợ	-	754
Chi phí thanh lý vật tư	-	6.303.900
Tiền phạt hành chính về thuế	37.155.672	152.386.552
Chi phí khác	15.317.511	9.600.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>52.473.183</b>	<b>168.291.206</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>306.010.410</b>	<b>(3.721.238)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Công ty mẹ	1.011.438.614	400.859.307
Công ty con	-	393.435.918
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.011.438.614</b>	<b>794.295.225</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	36.634.264	190.296.880
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13.921.189	12.990.826
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (*)</b>	<b>50.555.453</b>	<b>203.287.706</b>

(\*): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 bao gồm: khoản chi phí do việc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn Công ty mẹ vào Công ty con là 166.519.380 VND; khoản chênh lệch phát sinh trong giao dịch Công ty con bán hàng hóa cho Công ty mẹ để hình thành tài sản cố định và Công ty mẹ ghi nhận giá trị khấu hao trong kỳ là 63.278.134 VND.

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.350.890	862.805.249
Chi phí nhân công	4.160.609.943	3.782.032.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.956.904.800	1.735.536.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.780.864.307	42.145.884.395
Chi phí khác	5.142.233.197	2.070.034.813
<b>Cộng</b>	<b>59.715.963.137</b>	<b>50.596.293.431</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	2.303.144.787	1.092.891.945
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)=(a)-(b)	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (b)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1-2)	2.303.144.787	1.092.891.945
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (4)	2.199.697	2.199.697
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	1.047	497

**31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 30/6/2014 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Tiền lương, thưởng và thù lao phát sinh trong năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Ghi chú
1	Ông Đỗ Huy Đạt	UV HĐQT	Lương và thù lao	200.727.003	Tham gia trực tiếp
2	Ông Lê Hữu Cảnh	UV HĐQT	Lương và thù lao	156.683.730	Tham gia trực tiếp
3	Bà Vũ Thị Lương Dung	UV HĐQT	Lương và thù lao	71.022.836	Tham gia trực tiếp
4	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	UV- BKS	Lương và thù lao	69.743.446	Tham gia trực tiếp
5	Bà Phạm Thanh Hoa	CT-HĐQT cũ	Thù lao	35.891.166	Không tham gia trực tiếp
6	Ông Nguyễn Trung Kiên	CT-HĐQT mới	Thù lao	-	Không tham gia trực tiếp
7	Ông Lê Anh Đào	P.CT-HĐQT	Thù lao	32.900.230	Không tham gia trực tiếp
8	Ông Trần Văn Chuyền	T. BKS	Thù lao	29.909.300	Không tham gia trực tiếp
9	Bà Nguyễn Thị Lịch	UV- BKS	Thù lao	20.936.510	Không tham gia trực tiếp

**33. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là kinh doanh điện, xây lắp và bán vật tư hàng hóa. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh điện: phân phối điện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Bộ phận xây dựng: xây dựng công trình theo hợp đồng.

Bộ phận bán vật tư hàng hóa: bán các thiết bị điện, và một số hàng hóa khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại 30/6/2014**

	Đơn vị tính: VND			
	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	28.744.011.386	13.648.981.551	644.408.238	43.037.401.175
Tài sản không phân bổ				14.683.824.460
<b>Cộng</b>	<b>28.744.011.386</b>	<b>13.648.981.551</b>	<b>644.408.238</b>	<b>57.721.225.635</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	3.170.080.348	-	3.170.080.348
Nợ phải trả không phân bổ				28.475.806.651
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.170.080.348</b>	<b>-</b>	<b>31.645.886.999</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh từ 01/01/2014 đến 30/6/2014.**

	Đơn vị tính: VND			
	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	61.230.373.674	3.737.872.727	-	64.968.246.401
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>61.230.373.674</b>	<b>3.737.872.727</b>	<b>-</b>	<b>64.968.246.401</b>
Giá vốn hàng bán	54.933.967.323	3.607.047.182	-	58.541.014.505
Chi phí không phân bổ				2.802.452.465
Doanh thu hoạt động tài chính				99.243.613
Chi phí tài chính				664.894.600
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.059.128.444
Lãi, lỗ khác				306.010.410
Lợi nhuận trước thuế				3.365.138.854
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.061.994.067
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>2.303.144.787</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2013**

				Đơn vị tính: VND
	<u>Hoạt động kinh doanh điện</u>	<u>Hoạt động xây lắp</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	29.290.631.518	14.260.374.664	894.623.650	44.445.629.832
Tài sản không phân bổ				15.520.589.568
<b>Cộng</b>	<b>29.290.631.518</b>	<b>14.260.374.664</b>	<b>894.623.650</b>	<b>59.966.219.400</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				33.437.896.789
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.437.896.789</b>

**Báo cáo kết quả kinh doanh từ 01/01/2013 đến 30/6/2013**

				Đơn vị tính: VND
	<u>Hoạt động kinh doanh điện</u>	<u>Hoạt động xây lắp</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	51.686.864.077	2.633.620.820	2.027.118.506	56.347.603.403
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>51.686.864.077</b>	<b>2.633.620.820</b>	<b>2.027.118.506</b>	<b>56.347.603.403</b>
Giá vốn hàng bán	46.451.406.655	2.541.312.154	1.874.326.800	50.867.045.609
Chi phí không phân bổ				2.958.703.976
Doanh thu hoạt động tài chính				124.822.747
Chi phí tài chính				552.480.451
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.094.196.114
Lãi, lỗ khác				(3.721.238)
Lợi nhuận trước thuế				2.090.474.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				997.582.931
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>1.092.891.945</b>

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.16.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

	Giá trị ghi sổ 30/06/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	812.697.174	5.184.463.079
Phải thu khách hàng	13.624.432.062	12.352.809.427
Các khoản phải thu khác	717.914.360	594.179.938
<b>Cộng</b>	<b>15.155.043.596</b>	<b>18.131.452.444</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	4.678.934.627	6.062.500.000
Vay và nợ dài hạn	7.199.375.957	6.843.867.617
Phải trả người bán	3.759.130.929	3.298.616.036
Các khoản phải trả khác	1.427.067.500	1.743.856.241
<b>Cộng</b>	<b>17.064.509.013</b>	<b>17.948.839.894</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro từ ngoại tệ vì các giao dịch mua hàng lớn đều bằng VND.

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 30/6/2014, lãi suất của các khoản vay trung và dài hạn đã được cố định cho tới ngày thanh toán, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công nợ dưới 1 năm	3.202.816.459	3.335.166.122
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	1.451.222.488	6.061.442.525
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	6.298.852.525	1.053.620.583
Quá hạn từ 3 năm trở lên	3.389.454.950	2.501.421.840
<b>Cộng</b>	<b><u>14.342.346.422</u></b>	<b><u>12.951.651.070</u></b>

Giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) này đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và quản lý của Công ty, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

	<b>Dưới 1 năm</b> <b>VND</b>	<b>Trên 1 năm</b> <b>VND</b>
<b>Tại 30/6/2014</b>		
Vay và nợ	4.678.934.627	7.199.375.957
Phải trả người bán	3.759.130.929	-
Các khoản phải trả khác	1.427.067.500	-
<b>Cộng</b>	<b>9.865.133.056</b>	<b>7.199.375.957</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>		
Vay và nợ	6.062.500.000	6.843.867.617
Phải trả người bán	3.298.616.036	-
Các khoản phải trả khác	1.743.856.241	-
<b>Cộng</b>	<b>11.104.972.277</b>	<b>6.843.867.617</b>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**35. VẤN ĐỀ KHÁC**

Công ty TNHH Xây dựng Điện nước Lắp máy Hải Phòng (Công ty con) đã ngừng hoạt động sản xuất cấp điện do máy móc thiết bị đã thanh lý toàn bộ năm 2011, đồng thời, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con trong 6 tháng đầu năm 2014 lỗ 166.519.380 VND, lỗ lũy kế đến 30/6/2014 là 1.543.441.762 VND. Ban lãnh đạo của Công ty đang tìm kiếm hướng kinh doanh mới cho Công ty con và hướng đến sự tăng trưởng trong tương lai gần. Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con dùng để hợp nhất được lập theo giả thiết Công ty con tiếp tục hoạt động.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

Người lập biểu

**Trần Thị Ngọc Mai**

Kế toán trưởng

**Lê Hữu Cảnh**

Hải Phòng, ngày 27 tháng 8 năm 2014  
Tổng Giám đốc



**Đỗ Huy Đạt**